

Thứ tư, ngày 15 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Biên độ dao động thu hẹp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/07/2020		•	
Tuần 13/7-17/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên, thị trường đã mở cửa với nhịp giao dịch khá hưng phấn. Nhưng đà tăng yếu dần theo thời gian và chỉ còn tăng 1.80 điểm vào cuối phiên chiều. Dòng tiền đầu tư duy trì nhịp hồi phục khi có 15/19 nhóm ngành tăng điểm trong phiên. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ trở lại, độ rộng thị trường chuyển sang xu hướng tích cực và biên độ thị trường thu hẹp cho thấy dấu hiệu giao dịch tích cực đang trở lại thị trường. Với việc hợp đồng tương lai tháng 07/2020 hết kỳ hạn vào phiên thứ năm cùng với OPEC kết thúc buổi họp vào hôm nay, thị trường nhiều khả năng sẽ có biến động mạnh vào hai phiên cuối tuần.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/7/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Xây dựng_1.8%**

Phân tích kỹ thuật: FRT_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.80** điểm, đóng cửa **869.91** điểm. HNX-Index **-0.23** điểm, đóng cửa **115.91** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM(+0.57); VCB(+0.53); TCB(+0.50); VNM(+0.40); MWG(+0.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC(-0.77); SAB(-0.64); HNG(-0.32); MSN (-0.10); HAG(-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,542** tỷ đồng, tăng **+10.8%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là **6.78** điểm, thu hẹp so với phiên liền trước. Thị trường có **223** mã tăng, **57** mã tham chiếu và **156** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-110.35** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-28.2 tỷ), VCB(-28.2 tỷ) và HDG(-12.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.74** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvk@bsc.com.vn

VN-INDEX

869.91

Giá trị: 3542.01 tỷ

1.8 (0.21%)

Khối ngoại (ròng): -110.35 tỷ

HNX-INDEX

115.91

Giá trị: 623.32 tỷ

-0.23 (-0.2%)

Khối ngoại (ròng): -3.74 tỷ

UPCOM-INDEX

56.98

Giá trị: 0.27 tỷ

0.04 (0.07%)

Khối ngoại (ròng): -0.0854 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.9	1.46%
Giá vàng	1,813	0.21%
Tỷ giá USD/VND	23,184	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,503	0.62%
Tỷ giá JPY/VND	21,675	0.30%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	21.21%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-0.98%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	27.1	MSN	28.2
CTG	13.1	VCB	28.2
HPG	9.9	HDG	25.0
PLX	8.3	SAB	13.9
VNM	7.8	VIC	12.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
15/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	15/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Xây dựng	1.8%	4.2%	12.6%	12.6%	12.6%	4.2%	19.8%
Đầu tư công	1.7%	2.6%	8.1%	8.1%	8.1%	2.0%	20.3%
VN Diamond	1.2%	1.0%	6.3%	6.3%	6.3%	-11.5%	19.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.1%	1.1%	6.4%	6.4%	6.4%	-9.2%	19.7%
Ngân Hàng	1.0%	0.6%	7.1%	7.1%	7.1%	-2.2%	23.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.9%	0.9%	5.8%	5.8%	5.8%	-10.9%	21.6%
Hàng tiêu dùng	0.9%	-0.6%	7.2%	7.2%	7.2%	3.3%	20.1%
VN FinSelect	0.9%	0.3%	6.3%	6.3%	6.3%	-4.7%	19.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.9%	0.4%	6.9%	6.9%	6.9%	-4.9%	21.4%
Ngành Dược	0.8%	4.0%	6.8%	6.8%	6.8%	-2.1%	18.3%
Stay-at-home	0.6%	0.3%	8.0%	8.0%	8.0%	13.0%	17.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	0.1%	6.2%	6.2%	6.2%	-12.7%	16.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.5%	0.8%	5.1%	5.1%	5.1%	-7.9%	18.2%
Chiến tranh thương mại	0.4%	0.5%	5.4%	5.4%	5.4%	-7.4%	18.7%
FTSE Việt Nam	0.3%	0.3%	3.9%	3.9%	3.9%	-7.3%	17.0%
Lãi suất giảm	0.2%	-0.6%	9.0%	9.0%	9.0%	5.7%	19.9%
Corona Avengers	0.2%	1.3%	7.1%	7.1%	7.1%	2.1%	22.0%
BDS & Khu công nghiệp	0.1%	-0.5%	3.9%	3.9%	3.9%	-6.0%	17.7%
Dầu khí	0.1%	0.1%	3.7%	3.7%	3.7%	-20.8%	25.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	-0.2%	4.9%	4.9%	4.9%	-8.3%	16.0%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	0.3%	5.5%	5.5%	5.5%	3.4%	20.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.3%	1.1%	3.7%	3.7%	3.7%	8.3%	15.8%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.4%	-0.1%	7.6%	7.6%	7.6%	8.4%	26.2%
Nước & Năng lượng	-0.4%	1.9%	7.6%	7.6%	7.6%	-3.7%	16.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.7%	0.2%	6.7%	6.7%	6.7%	0.5%	22.3%
Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	1.6%	1.3%	6.8%	6.8%	6.8%	-12.9%	22.6%
S21	1.1%	1.2%	4.9%	4.9%	4.9%	-7.7%	20.1%
M22	1.1%	1.2%	4.9%	4.9%	4.9%	-0.9%	19.0%
M31	0.8%	1.0%	6.4%	6.4%	6.4%	-5.5%	21.5%
M12	0.7%	0.6%	4.5%	4.5%	4.5%	-5.8%	20.1%
L22	0.7%	0.4%	4.3%	4.3%	4.3%	-6.3%	20.2%
L11	0.6%	0.8%	4.6%	4.6%	4.6%	-6.0%	17.8%
L32	0.4%	2.7%	9.2%	9.2%	9.2%	-3.6%	21.3%
S11	0.3%	-0.4%	4.5%	4.5%	4.5%	2.4%	
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.3%	0.7%	4.5%	4.5%	4.5%	-3.9%	17.3%
HIGH3	0.2%	0.6%	5.4%	5.4%	5.4%	0.4%	19.5%
MID1	-0.3%	-0.8%	5.9%	5.9%	5.9%	6.3%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	0.2%	-0.1%	5.4%	5.4%	5.4%	-9.5%	17.0%
VN30INDEX	0.6%	0.1%	5.1%	5.1%	5.1%	-7.8%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	15	10	21	4	18	7
Mục tiêu	9	9	0	8	1	3	6
Rủi ro	3	1	2	2	1	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

FRT_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: FRT thời gian qua đã vận động đi ngang xung quanh ngưỡng 24.5 sau khi có sự điều chỉnh ngắn hạn trong tháng 6. Thanh khoản cổ phiếu có sự cải thiện đột biến trong phiên hôm nay đã đẩy giá cổ phiếu tăng khá tích cực 4.53%, qua đó giúp FRT chính thức thoát khỏi vùng tích lũy. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đa số đang nghiêng về trạng thái tích cực. Các đường EMA vừa xuất hiện Golden Cross, đồng thời chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần và còn cách khá xa vùng quá mua nên động lực tăng có thể được duy trì trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của FRT nằm tại mốc 23.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 29, cắt lỗ nếu ngưỡng 21.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực	Link
PC1_Tăng giá	Link
CTI_Xu hướng tăng	Link
VNM_Hưng phấn	Link
GVR_Tín hiệu tích cực	Link

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 15/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.51	0.55%	-1.00%	11.00%	-26.61%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.12	0.51%	-0.40%	8.00%	-28.82%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	126.13	1.11%	-2.30%	11.00%	-28.31%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1809.68	0.02%	0.00%	4.90%	26.83%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	19.25	0.19%	2.80%	10.80%	16.98%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	880.75	0.37%	-1.80%	0.10%	-6.80%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	529.75	0.57%	2.60%	4.30%	-2.84%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.38	0.16%	3.00%	31.50%	42.57%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	145.92	0.08%	-0.40%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.32	-2.25%	-7.10%	-6.40%	-16.40%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	97.95	-0.71%	-2.30%	0.30%	-20.88%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6498.50	-1.10%	5.00%	12.30%	8.09%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	533.27	0.03%	1.60%	4.90%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1688.50	-0.09%	3.30%	6.50%	-8.73%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.78	-0.04%	6.50%	10.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.40	1.65%	-1.20%	2.60%	-32.77%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent tăng 18 US cent lên 42.90 USD/thùng, dầu Tây Texas Mỹ (WTI) tăng 19 US cent lên 40.29 USD/thùng.
- Giá dầu phiên vừa qua cũng được hỗ trợ bởi thông tin từ Viện Dầu khí Mỹ cho biết lượng tồn trữ dầu thô của nước này trong tuần qua giảm nhiều hơn dự kiến. Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ sẽ công bố số liệu này trong ngày 15/7.
- Trong khi đó, thông tin từ OPEC cho thấy, OPEC+ trong tháng 6 vừa qua đã tuân thủ 107% thỏa thuận cắt giảm sản lượng. Báo cáo hàng tháng của OPEC vừa công bố dự báo nhu cầu dầu thế giới sẽ tăng 7 triệu thùng/ngày vào năm tới, nhưng vẫn chưa về mức trước Covid-19. Thị trường đang chờ đợi thông tin về việc OPEC+ sẽ quyết định kéo dài thời gian cắt giảm sản lượng, sau khi Ủy ban Giám sát OPEC kết thúc kỳ họp vào ngày 15/7. Theo thỏa thuận hiện tại, OPEC+ sẽ hạ mức cắt giảm sản lượng từ 9.7 triệu thùng/ngày xuống 7.7 triệu thùng/ngày trong giai đoạn tháng 8-12/2020.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay tăng 0.4% lên 1,809.83 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 duy trì tại 1,813.40 USD/ounce.
- Đồng USD giảm trong khi EUR tăng ở phiên vừa qua vì sự lạc quan về khả năng EU sẽ tăng cường kích thích kinh tế. Xung đột gia tăng giữa Mỹ và Trung Quốc, mới đây nhất liên quan đến vấn đề Biển Đông và Bắc Kinh thông báo sẽ áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với Lockheed Martin vì liên quan đến vụ bán vũ khí cho Đài Loan cũng góp phần khiến cho nhà đầu tư chuyển hướng sang vàng. Sự quan tâm của nhà đầu tư tới kim loại quý này thể hiện ở việc, lượng vàng mà quỹ giao dịch vàng lớn nhất thế giới, SPDR Gold Trust GLD, nắm giữ đã tăng 0.3% lên 1,203.97 tấn trong ngày 13/7/2020.

Giá sắt thép

- Trên sàn Đại Liên, quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 tăng 2.4% lên 839 CNY/tấn. Giá quặng sắt trên thị trường Trung Quốc tăng phiên thứ 2 liên tiếp do kỳ vọng nhu cầu sẽ mạnh lên khi kinh tế hồi phục sau mùa mưa lũ trong khi nguồn cung chưa có dấu hiệu cải thiện.
- Số liệu của Hải quan Trung Quốc cho thấy nhập khẩu quặng sắt vào nước này trong tháng 6/2020 đạt mức cao nhất 33 tháng, là 101.68 triệu tấn.
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây và thép cuộn cán nóng (kỳ hạn tháng 10) tăng lần lượt 0.2% và 0.4% trong phiên vừa qua, từ các mức 3,739 CNY/tấn và 3,734 CNY/tấn của phiên liền trước.

Giá cao su

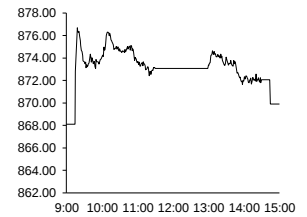
- Trên sàn TOCOM, cao su kỳ hạn tháng 12 giảm 0.5 JPY xuống 156.3 JPY (1.46 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9 giảm 10 CNY xuống 10,600 CNY (1,511 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn Tokyo (TOCOM) giảm trong phiên giao dịch vừa qua do lo ngại căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc gia tăng và những hạn chế mới liên quan đến việc số ca nhiễm virus corona tăng ở nhiều nơi trên thế giới có thể làm chậm tiến trình hồi phục kinh tế toàn cầu.
- Các bang ở Australia ngày 14/7 siết chặt kiểm soát biên giới và hạn chế người dân lui tới các quán rượu, còn Disney chuẩn bị đóng cửa các công viên giải trí ở Hongkong và Nhật Bản nhằm hạn chế sự lây nhiễm virus corona.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 giảm 0.7 US cent, tương đương 0.7%, xuống 97.95 US cent/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn giảm 9 USD (0.7%) xuống 1,215 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 10 giảm 0.26 US cent (2.2%) xuống 11.32 US cent/lb, Đường trắng kỳ hạn tháng 8 cũng giảm 20 US cent (0.1%) xuống 334.9 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 10 giảm 0.18 US cent (1.5%) xuống 11.58 US cent/lb – thấp nhất 2 tuần. Đường trắng kỳ hạn tháng 8 cũng giảm 0.3 USD (0.1%) xuống 335.1 USD/tấn, sau khi có lúc chạm mức thấp nhất 2.5 tháng.

Hình 1

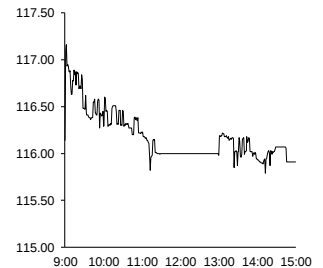
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

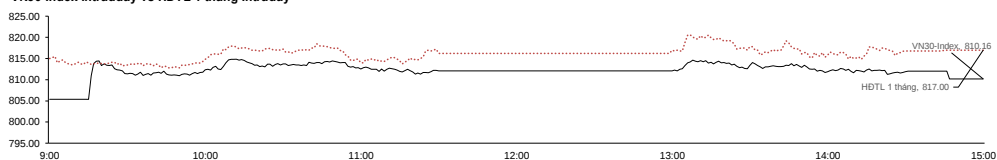
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Thực phẩm và đồ uống	-0.50%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.16%
Du lịch và Giải trí	-0.05%
Hóa chất	-0.01%
Dịch vụ tài chính	0.04%
Bảo hiểm	0.04%
Dầu khí	0.09%
Bất động sản	0.10%
Công nghệ Thông tin	0.16%
Tài nguyên Cơ bản	0.32%
Xây dựng và Vật liệu	0.42%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.42%
Y tế	0.49%
Ngân hàng	0.61%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.05%
Ô tô và phụ tùng	1.37%
Bán lẻ	1.70%
Truyền thông	2.53%
Viễn thông	7.00%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	817.00	1.59%	6.84	-10.4%	172.911	7/16/2020	3
VN30F2008	810.00	1.34%	-0.16	160.2%	17.064	8/20/2020	38
VN30F2009	807.60	1.57%	-2.56	172.6%	169	9/17/2020	66
VN30F2012	806.40	2.48%	-3.76	26.9%	137	12/17/2020	157

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 4.79 điểm, lên mức 810.16 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, MWG, VNM, và EIB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng mạnh đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 810-815 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy trong vùng giá 795-815 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2007 và VN30F2009 đang giảm, trong khi VN30F2008 và VN30F2012 đang tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMWG2009	MBS	10/23/2020	100	8:1	287,490	5.0%	4.0 triệu	39.65%	1,600	1,400	12.90%	1,103	1.27
CCTD2001	KIS	12/16/2020	154	10:1	74,520	-21.0%	1.0 triệu	55.28%	1,540	2,220	10.45%	1,382	1.61
CMWG2007	SSI	11/30/2020	138	1:1	21,630	24.9%	2.0 triệu	39.65%	12,900	9,450	9.50%	7,831	1.21
CVHM2002	SSI	11/30/2020	138	1:1	22,280	84.7%	1.5 triệu	37.45%	11,500	12,720	7.07%	10,245	1.24
CPNJ2002	VND	10/1/2020	78	2:1	91,260	94.0%	1.0 triệu	36.71%	2,400	2,090	6.09%	719	2.91
CHPG2008	SSI	11/30/2020	138	1:1	61,390	137.9%	5.0 triệu	36.55%	4,100	3,560	5.95%	2,769	1.29
CVM2004	SSI	11/30/2020	138	1:1	12,800	-22.5%	2.0 triệu	31.47%	17,500	14,960	5.95%	8,987	1.66
CTCB2004	MBS	8/18/2020	34	2:1	140,570	20.1%	2.0 triệu	36.99%	1,050	1,880	5.62%	1,855	1.01
CVM2003	MBS	9/4/2020	51	10:1	107,520	-12.0%	3.0 triệu	31.47%	1,450	2,550	4.08%	2,278	1.12
CHDB2006	MBS	10/8/2020	85	2:1	139,750	-2.1%	2.0 triệu	39.94%	2,180	2,150	3.86%	1,705	1.26
CHPG2005	VND	10/1/2020	78	1:1	15,740	69.2%	2.0 triệu	36.55%	2,100	9,240	2.90%	9,254	1.00
CHPG2009	HSC	10/29/2020	106	2:1	56,590	-79.3%	5.0 triệu	36.55%	1,600	3,320	2.47%	3,070	1.08
CVHM2001	KIS	12/16/2020	154	5:1	246,440	112.4%	2.0 triệu	37.45%	3,100	1,580	1.94%	769	2.05
CVHM2003	HSC	10/29/2020	106	10:1	119,800	-69.3%	5.0 triệu	37.45%	1,000	1,590	1.92%	1,388	1.15
CSTB2004	SSI	11/30/2020	138	1:1	293,200	46.7%	5.0 triệu	41.76%	1,400	1,720	0.00%	1,553	1.11
CFPT2003	SSI	11/9/2020	117	1:1	15,860	13.8%	2.0 triệu	32.06%	7,300	10,200	-0.78%	3,225	3.16
CVIC2001	KIS	12/16/2020	154	5:1	477,940	1914.1%	2.0 triệu	32.73%	2,700	820	-1.20%	138	5.96
CMSN2001	KIS	12/16/2020	154	5:1	127,470	64.3%	2.0 triệu	34.47%	2,300	1,050	-1.87%	413	2.54
CDPM2002	KIS	12/16/2020	154	1:1	214,700	180.5%	2.0 triệu	40.46%	1,700	2,400	-3.23%	1,428	1.68
CSTB2003	KIS	9/16/2020	63	1:1	246,470	28.2%	3.0 triệu	41.76%	1,360	1,500	-3.23%	1,073	1.40
Tổng:					2,485,930		49.50 triệu	37.82%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 15/7/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

• Về giá, CMWG2005 và CMWG2009 tăng mạnh lần lượt là 13.75% và 12.90%. Giá trị giao dịch giảm -9.72%. CDPM2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.76% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, TCB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CVHM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh

vinhqa@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	20.60	2.49	1.49
VPB	22.50	1.35	0.67
MWG	84.60	2.05	0.66
VNM	116.00	0.69	0.59
EIB	17.30	1.76	0.41

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	90.5	-0.88	-0.50
SAB	191.5	-1.79	-0.32
MSN	55.7	-0.54	-0.18
SSI	16.6	-0.90	-0.07
VJC	107.8	-0.19	-0.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	84.6	2.1%	1.2	1,666	3.8	8,808	9.6	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	60.2	1.5%	1.3	589	1.3	5,248	11.5	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.9	0.6%	1.3	1,544	1.3	1,307	36.6	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	29.6	-1.3%	0.4	288	0.0	2,056	14.4	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	90.5	-0.9%	0.8	13,309	1.5	2,095	43.2	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.7	1.1%	1.1	2,638	1.7	1,226	21.8	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	62.6	0.5%	0.8	2,639	1.6	3,584	17.5	2.7	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	33.1	0.5%	0.8	446	0.6	4,976	6.6	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.4	0.0%	1.3	257	0.8	2,289	5.0	0.8	40.8%	15.9%
SSI	Chứng khoán	16.6	-0.9%	1.3	432	3.1	1,415	11.7	0.9	49.7%	7.8%
VCI	Chứng khoán	24.9	-0.6%	1.0	178	0.7	4,240	5.9	1.0	27.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.3	-1.3%	1.7	255	1.4	1,480	13.0	1.3	52.1%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.6	0.1%	0.8	1,656	3.2	4,804	10.1	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.2	0.4%	0.4	521	0.0	4,812	10.0	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.1	-0.1%	1.5	6,000	1.6	5,820	12.4	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.5	0.1%	1.5	2,435	0.9	869	53.4	2.9	14.5%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.4	0.0%	1.5	258	0.8	1,238	10.0	0.5	11.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.1	0.0%	0.8	957	0.5	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.2	-0.5%	0.5	530	0.1	5,046	18.5	3.5	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.7	-1.3%	0.4	250	1.4	1,006	14.6	0.7	11.0%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.1	-0.1%	0.4	208	0.6	415	21.8	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	83.5	0.6%	1.1	13,465	4.3	4,848	17.2	3.6	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.4	0.2%	1.4	7,231	1.2	2,140	19.3	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.1	0.2%	1.2	3,901	2.8	2,510	9.6	1.1	30.0%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.5	1.4%	1.2	2,385	2.2	3,750	6.0	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.3	0.9%	1.0	1,814	2.2	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.0	0.0%	0.9	1,735	1.6	3,780	6.3	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	53.5	-0.9%	0.9	190	0.2	5,303	10.1	1.7	81.6%	17.0%
NTP	Nhựa	31.4	0.6%	0.4	161	0.0	4,208	7.5	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.5	0.6%	0.4	667	0.0	356	43.5	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.1	0.5%	1.1	3,367	8.0	2,764	10.2	1.6	36.1%	17.4%
HSG	Thép	11.7	-0.8%	1.4	226	3.0	1,493	7.8	0.8	11.5%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	116.0	0.7%	0.7	8,783	5.1	5,453		6.7	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	191.5	-1.8%	0.8	5,339	2.2	6,719	28.5	7.1	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	55.7	-0.5%	1.0	2,831	3.1	3,961	14.1	1.5	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.7	0.3%	0.8	375	2.8	171	86.1	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	59.1	-0.3%	0.8	5,594	0.4	3,450	17.1	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	107.8	-0.2%	1.1	2,455	1.0	7,110	15.2	3.8	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	26.5	0.2%	1.7	1,631	0.3	1,654	16.0	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.8	2.3%	0.9	255	0.4	1,583	12.5	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.5	-0.5%	1.1	128	0.3	2,117	4.9	0.7	23.2%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.1	-0.5%	1.0	426	0.3	9,201	6.9	3.0	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.2	-1.7%	0.7	393	0.3	1,453	13.9	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	-1.1%	1.0	230	0.1	1,938	7.1	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	83.5	4.1%	1.0	277	4.8	8,032	10.4	0.7	45.9%	7.3%
VCG	Xây dựng	27.0	0.4%	0.3	519	0.0	1,498	18.0	1.7	0.4%	10.0%
CII	Xây dựng	18.0	-1.4%	0.3	187	1.1	1,775	10.1	0.8	38.0%	8.5%
POW	Điện	10.0	-0.5%	0.6	1,018	0.9	1,028	9.7	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	23.0	-0.6%	0.5	287	0.3	2,543	9.0	1.5	18.3%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	81.10	0.75	0.57	2.35MLN
VCB	83.50	0.60	0.53	1.20MLN
TCB	20.60	2.49	0.50	1.70MLN
VNM	116.00	0.69	0.40	1.02MLN
MWG	84.60	2.05	0.22	1.05MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	Ngày 04/07/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.77	384240.00	1.11MLN
SAB	0.00	-0.64	258700.00	607060.00
HNG	-0.01	-0.32	1.02MLN	373600.00
MSN	0.00	-0.10	1.25MLN	192700.00
HAG	0.00	-0.06	12.49MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FIT	10.40	7.00	0.05	240080.00
LAF	7.50	6.99	0.00	60.00
TN1	62.90	6.97	0.02	4210.00
ACL	29.20	6.96	0.01	218530.00
SMA	9.39	6.95	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTO	7.10	-10.92	-0.02	27170.00
SKG	9.90	-7.04	-0.01	168490.00
DAH	9.91	-6.95	-0.01	675330.00
DTL	9.91	-6.95	-0.01	50.00
SFI	18.80	-6.93	-0.01	340.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
S99	15.00	4.90	0.03	540000.00
IDC	19.70	1.03	0.03	3100.00
CEO	8.20	2.50	0.03	1.75MLN
PMC	55.50	7.56	0.02	1000.00
DST	6.90	9.52	0.02	954800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

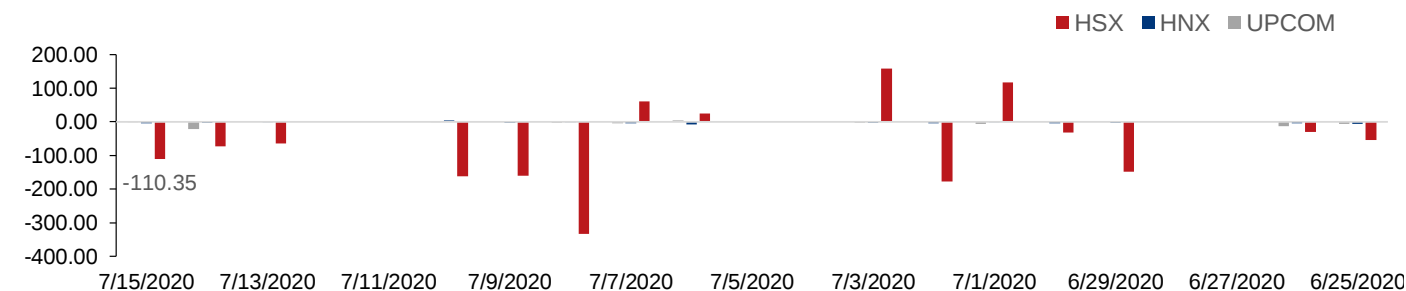
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	12.80	-1.54	-0.29	2.22MLN
OCH	8.50	-5.56	-0.04	100.00
PTI	19.80	-10.00	-0.04	400.00
PLC	15.70	-7.10	-0.02	165200.00
L14	64.70	-1.97	-0.02	47800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MDC	9.90	10.0	0.01	200.00
VNT	60.60	10.0	0.01	1000.00
CJC	14.50	9.9	0.00	200.00
KTT	4.50	9.8	0.00	100.00
SCI	22.90	9.6	0.01	429600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	-14.29	0.00	272200.00
ACM	0.80	-11.11	-0.01	1.08MLN
VIG	0.80		0.00	106200.00
HKB	0.90	-10.00	0.00	185100.00
PTI	19.80	-10.00	-0.04	400.00



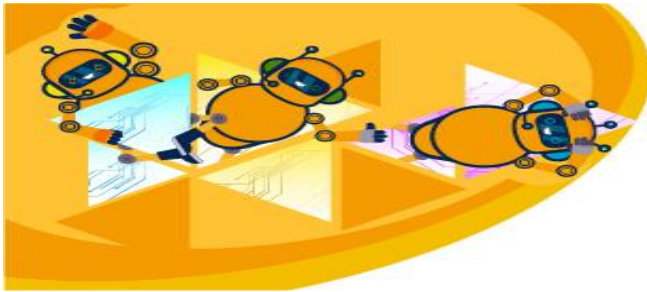
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
13	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại		P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	55.7	3,961	14.1	1.5	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	39.8	4,717	8.4	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.7	1,493	7.8	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.5	5,479	8.1	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	20.6		18.0	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	28.1	2,764	10.2	1.6	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.6	2,987	6.9	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	60.2	5,248	11.5	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.2	5,718	24.0	8.5	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.4	2,289	5.0	0.8	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.7	1,496	10.5	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.7	7,637	2.7	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.2	5,311	4.2	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	42.9	4,465	9.6	1.9	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	83.5	4,848	17.2	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.0	3,780	6.3	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	39.2	6,553	6.0	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	52.7	3,887	13.6	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.6	4,804	10.1	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.8	1,583	12.5	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

[Video hướng dẫn sử dụng](#)

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn